

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 – 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Hương Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Duy Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Thành viên
Bà Bùi Thị Minh Tâm	Thành viên
Ông Phạm Hải Văn	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đào Ngọc Thu	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Linh Chi	Thành viên
Ông Đinh Công Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Tiến Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)
Ông Lưu Vũ Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12 tháng 5 năm 2022)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tiến Thọ - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép một cách phù hợp, lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOA

Số nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Tiến Thọ

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

885
H N
PH
C
H N
K
H A

Số: 037/VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2023, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1822-2023-156-1

6-01
HÀN
HỒ C
NG T
VIỆM
MTC
AC
H-1

30
C
AN X
N
HÀNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		106.322.314.066	96.989.910.802
I. Tiền	110	4	17.285.946.692	19.805.129.366
1. Tiền	111		17.285.946.692	19.805.129.366
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	6.040.945.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		8.057.761.061	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.016.816.061)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.891.123.036	30.227.290.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.536.542.076	27.083.258.154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.541.428.561	2.786.881.103
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	9.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.915.701.269	459.700.523
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(102.548.870)	(102.548.870)
IV. Hàng tồn kho	140	10	33.535.988.380	43.378.616.849
1. Hàng tồn kho	141		34.780.033.473	44.622.661.942
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.244.045.093)	(1.244.045.093)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.568.310.958	3.578.873.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	638.405.407	703.941.029
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.917.327.412	2.874.932.648
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	12.578.139	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		297.840.050.703	308.157.439.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	11.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	5.000.000	11.000.000
II. Tài sản cố định	220		109.556.915.351	116.316.871.933
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	109.390.770.367	116.057.868.945
- Nguyên giá	222		138.495.475.302	137.364.603.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.104.704.935)	(21.306.734.612)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	166.144.984	259.002.988
- Nguyên giá	228		844.290.000	844.290.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(678.145.016)	(585.287.012)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	20.754.128.039	22.173.013.185
- Nguyên giá	231		40.722.467.855	40.590.222.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.968.339.816)	(18.417.209.670)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		136.504.732.000	136.504.732.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5	136.504.732.000	136.504.732.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.019.275.313	33.151.822.150
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	31.019.275.313	33.151.822.150
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		404.162.364.769	405.147.350.070

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		87.681.482.196	163.569.410.956
I. Nợ ngắn hạn	310		79.665.229.134	131.888.267.756
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	12.328.610.211	7.422.051.922
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.629.625.081	12.100.095.551
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	8.239.445.517	2.400.207.403
4. Phải trả người lao động	314		7.274.545.416	7.877.087.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		444.410.994	7.348.829.631
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.446.617.674	179.429.828
7. Vay ngắn hạn	320	19	47.301.974.241	94.560.566.106
II. Nợ dài hạn	330		8.016.253.062	31.681.143.200
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	1.581.720.000	1.681.720.000
2. Vay dài hạn	338	19	6.434.533.062	29.999.423.200
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		316.480.882.573	241.577.939.114
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	316.480.882.573	241.577.939.114
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		240.281.690.000	154.115.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.281.690.000	154.115.410.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		76.199.192.573	87.462.529.114
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.296.249.114	23.459.846.309
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		74.902.943.459	64.002.682.805
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		404.162.364.769	405.147.350.070



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		309.247.473.341	282.735.962.134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		164.904.839	461.193.349
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	309.082.568.502	282.274.768.785
4. Giá vốn hàng bán	11	24	197.136.085.688	190.703.561.180
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		111.946.482.814	91.571.207.605
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.798.912.794	13.395.533.623
7. Chi phí tài chính	22	27	11.300.352.775	9.090.605.356
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.712.227.592	7.991.001.385
8. Chi phí bán hàng	25	28	12.534.278.754	15.650.908.837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	12.818.872.533	10.904.361.558
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		83.091.891.546	69.320.865.477
11. Thu nhập khác	31		1.518.882.229	2.731.550.822
12. Chi phí khác	32		1.499.102.335	1.420.088.493
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		19.779.894	1.311.462.329
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		83.111.671.440	70.632.327.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	8.208.727.981	6.629.645.001
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		74.902.943.459	64.002.682.805



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	83.111.671.440	70.632.327.806
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.882.682.725	10.081.519.671
- Các khoản dự phòng	03	2.016.816.061	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	356.651.501	(805.377.164)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.927.689.678)	(10.621.624.057)
- Chi phí lãi vay	06	3.712.227.592	7.991.001.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	93.152.359.641	77.277.847.641
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(6.220.139.006)	(6.017.053.668)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9.842.628.469	6.341.406.006
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.969.564.540)	(4.751.463.861)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.198.082.459	2.546.229.366
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	(8.057.761.061)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4.017.241.143)	(7.991.001.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.594.715.795)	(2.171.927.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.333.649.024	65.234.037.029
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(3.165.894.163)	(1.916.099.295)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	27.272.727
3. Tiền chi cho vay	23	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay	24	1.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.902.462.844	10.594.351.330
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.263.431.319)	8.705.524.762
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	199.170.839.491	206.914.557.741
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(270.342.552.064)	(244.217.886.942)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(30.774.140.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.171.712.573)	(68.077.469.201)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.101.494.868)	5.862.092.590
Tiền đầu năm	60	19.805.129.366	13.972.238.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	582.312.194	(29.201.452)
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.285.946.692	19.805.129.366



Nguyễn Tiến Thọ
Tổng Giám đốc
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303292182 ngày 11 tháng 5 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 495 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 578 người).

Trụ sở

Công ty đăng ký trụ sở tại số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã cho thuê toàn bộ nhà xưởng tại địa chỉ này. Nhà máy và văn phòng làm việc hiện tại của Công ty tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Sản xuất và thương mại.

Hoạt động chính của Công ty là Sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất và các sản phẩm đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Đồng thời, Báo cáo tài chính riêng cũng được lập và phát hành cùng Báo cáo tài chính Hợp nhất, theo đó để có thông tin đầy đủ thì người sử dụng Báo cáo tài chính riêng nên đọc Báo cáo tài chính này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại thuyết minh số 15;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b và c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

656
NH
PHỐ
CỘNG
INH
KIỂM
VA
ANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm đã mua trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 01 năm.

Tiền thuê đất: Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo theo phương pháp đường thẳng, phân bổ theo thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm. Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 36
Máy móc, thiết bị	04 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

002-
NH
CHÍNH
TY
HỮU
TOÁN
CO
- T.P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 5 đến 25 năm.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông theo Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính năm sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày chi tiêu lãi cơ bản//lãi suy giảm trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	208.532.552	78.469.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.077.414.140	19.726.659.508
Cộng	<u>17.285.946.692</u>	<u>19.805.129.366</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (cổ phiếu GEX)	1.508.959.100	(20.959.100)	1.488.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (cổ phiếu TCB)	1.316.701.150	(541.201.150)	775.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (cổ phiếu VPB)	1.203.068.620	(253.473.620)	949.595.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM (cổ phiếu HDB)	1.113.390.000	(315.890.000)	797.500.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội (cổ phiếu MBB)	804.735.200	(223.335.200)	581.400.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (cổ phiếu MSB)	765.612.000	(278.112.000)	487.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (cổ phiếu VND)	481.462.800	(211.462.800)	270.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (cổ phiếu SSI)	341.823.241	(102.873.241)	238.950.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (cổ phiếu CTG)	338.270.400	(65.770.400)	272.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (cổ phiếu HPG)	183.738.550	(3.738.550)	180.000.000	-	-	-
Cộng	8.057.761.061	(2.016.816.061)	6.040.945.000	-	-	-
b) Đầu tư vào Công ty con						
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê (i)	136.504.732.000	-	(*)	136.504.732.000	-	(*)
Cộng	136.504.732.000	-		136.504.732.000	-	

(i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê với tỷ lệ 51% tổng vốn điều lệ. Hoạt động chính của Miền Quê là sản xuất và kinh doanh đồ dùng gia đình, trang trí nội thất bằng gỗ. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê có lãi lũy kế.

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch chủ yếu sau với Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Cho vay	10.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	1.000.000.000	-
Trả tiền vay	-	25.000.000.000
Mua tài sản cố định	377.840.907	-
Bán tài sản cố định	1.140.000.000	-
Nhận cổ tức	5.750.100.000	10.592.651.060
Mua nguyên vật liệu	130.684.920	-
Bán nguyên vật liệu	34.918.615	91.640.000
Lãi cho vay	147.780.823	-
Chi phí lãi vay	-	1.339.599.998

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Rosendahl Design Group	14.583.490.791	16.229.163.888
Công ty Cổ phần SX và TM Miền Quê	1.439.492.927	100.804.000
Stanley Black & Decker Limited BVBA	-	5.555.508.638
Các khách hàng khác	5.513.558.358	5.197.781.628
Cộng	<u>21.536.542.076</u>	<u>27.083.258.154</u>

Một phần giá trị các khoản công nợ phải thu được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Global Timber	1.821.705.762	-
Công TY TNHH Chống Thấm và Xây Dựng Lộc Phát	-	909.040.000
Công Ty TNHH AJ Timber Products Việt Nam	-	516.803.522
Các nhà cung cấp khác	1.719.722.799	1.361.037.581
Cộng	<u>3.541.428.561</u>	<u>2.786.881.103</u>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Miền Quê vay với thời hạn 04 tháng kể từ ngày 31 tháng 10 năm 2022, lãi suất 4%/năm. Khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.915.701.269	459.700.523
Ký quỹ, ký cược	1.500.000.000	-
Tạm ứng	191.201.200	136.970.108
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	100.939.127	195.383.180
Các đối tượng khác	123.560.942	127.347.235
b) Dài hạn	5.000.000	11.000.000
Ký quỹ, ký cược	5.000.000	11.000.000

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên	-	-	734.391.882	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.425.681.804	232.830.488	28.816.042.351	232.830.488
Công cụ, dụng cụ	376.770.817	31.921.844	503.381.754	31.921.844
Chi phí SXKD dở dang	7.104.981.621	-	9.100.616.097	-
Thành phẩm	4.610.065.248	979.292.761	5.167.734.399	979.292.761
Hàng gửi bán	262.533.983	-	300.495.459	-
Cộng	34.780.033.473	1.244.045.093	44.622.661.942	1.244.045.093

Một phần giá trị hàng tồn kho được dùng để thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	638.405.407	703.941.029
Công cụ dụng cụ xuất dùng	32.110.648	59.042.191
Chi phí bảo hiểm	360.833.445	347.947.625
Các khoản khác	245.461.314	296.951.213
b) Dài hạn	31.019.275.313	33.151.822.150
Tiền thuê đất (i)	30.326.995.300	31.274.713.900
Công cụ dụng cụ xuất dùng	223.284.212	610.857.155
Các khoản khác	468.995.801	1.266.251.095
Cộng	31.657.680.720	33.855.763.179

- (i) Đây là giá trị tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, được Công ty phân bổ trong thời gian 426 tháng kể từ tháng 7 năm 2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.689.404	(18.267.543)	12.578.139
Cộng	-	5.689.404	(18.267.543)	12.578.139
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
b) Phải nộp	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	186.119.429	-	186.119.429
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.316.631.051	(1.316.631.051)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	270.384.899	(270.384.899)	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.633.067	906.879.931	(867.773.432)	102.739.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.336.574.336	8.208.727.981	(2.594.715.795)	7.950.586.522
Các loại thuế khác	-	228.892.398	(228.892.398)	-
Cộng	2.400.207.403	11.117.635.689	(5.278.397.575)	8.239.445.517



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	95.314.352.935	38.481.174.721	3.209.753.181	257.547.720	101.775.000	137.364.603.557
- Mua trong năm	1.284.807.800	980.805.276	377.840.907	42.915.180	-	2.686.369.163
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.555.497.418)	-	-	-	(1.555.497.418)
Số dư cuối năm	96.599.160.735	37.906.482.579	3.587.594.088	300.462.900	101.775.000	138.495.475.302
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.937.383.082	10.952.639.490	1.156.113.438	231.974.390	28.624.212	21.306.734.612
- Khấu hao trong năm	3.741.206.950	4.078.032.451	397.042.458	7.306.668	15.106.048	8.238.694.575
- Thanh lý, nhượng bán	-	(440.724.252)	-	-	-	(440.724.252)
Số dư cuối năm	12.678.590.032	14.589.947.689	1.553.155.896	239.281.058	43.730.260	29.104.704.935
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	86.376.969.853	27.528.535.231	2.053.639.743	25.573.330	73.150.788	116.057.868.945
Tại ngày cuối năm	83.920.570.703	23.316.534.890	2.034.438.192	61.181.842	58.044.740	109.390.770.367

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 1.231.563.220 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 881.563.220 VND).

Nhà cửa, vật kiến trúc và Máy móc, thiết bị đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	844.290.000	844.290.000
Số dư cuối năm	844.290.000	844.290.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	585.287.012	585.287.012
- Khấu hao trong năm	92.858.004	92.858.004
Số dư cuối năm	678.145.016	678.145.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	259.002.988	259.002.988
Tại ngày cuối năm	166.144.984	166.144.984

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 380.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 380.000.000 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà xưởng VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	37.124.797.855	3.465.425.000	40.590.222.855
- Mua trong năm	132.245.000	-	132.245.000
Số dư cuối năm	37.257.042.855	3.465.425.000	40.722.467.855
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	18.417.209.670	-	18.417.209.670
- Khấu hao trong năm	1.551.130.146	-	1.551.130.146
Số dư cuối năm	19.968.339.816	-	19.968.339.816
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	18.707.588.185	3.465.425.000	22.173.013.185
Tại ngày cuối năm	17.288.703.039	3.465.425.000	20.754.128.039

Đây là các tài sản là Nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 71/4A, Khu phố 7, Đường Hiệp Phước Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã cho thuê theo hợp đồng thuê tài sản ký ngày 25 tháng 11 năm 2020 giữa Công ty và Công ty TNHH Goldfinger. Thời hạn thuê theo hợp đồng là 5 năm kể từ thời điểm ký biên bản giao nhà xưởng ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

Nhà xưởng đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (Xem thuyết minh số 19).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

STT	Danh mục bất động sản đầu tư	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà xưởng nhà máy 1	29.473.035.327	12.378.674.826	17.094.360.501
2	Hệ thống dây điện xưởng	4.429.188.116	4.429.188.116	-
3	Lắp đặt hệ thống thang máy	826.648.409	826.648.409	-
4	Hệ thống dây điện xưởng 1	238.314.400	238.314.400	-
5	Phí bảo hiểm rủi ro xây dựng NMI	49.950.000	20.979.000	28.971.000
6	Đường ống sắt tráng kẽm hệ thống chữa cháy vách tường	100.108.000	85.508.944	14.599.056
7	Khoang Giếng Công nghiệp	43.906.000	43.906.000	-
8	Hệ thống PCCC NMI	837.297.513	837.297.513	-
9	Tường rào nhà xưởng	200.000.000	200.000.000	-
10	Hệ thống thang thoát hiểm	110.909.090	105.363.645	5.545.445
11	Mái hiên nhà kho (HĐ 20/06/2018 HDKT)	124.200.000	111.780.000	12.420.000
12	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 10/07/2018 HDKT ngày 12/07/2018	79.719.000	70.418.450	9.300.550
13	Mái hiên nhà kho theo HĐ số 08/08/2018 HDKT ngày 08/08/2018	132.912.000	117.405.600	15.506.400
14	Máy bơm chữa cháy Diesel hyundai D4BB	133.000.000	133.000.000	-
15	Hệ thống xử lý nước thải	345.610.000	345.610.000	-
16	Thi công lắp đặt hệ thống báo cháy	132.245.000	24.244.913	108.000.087
17	Quyền sử dụng đất	3.465.425.000	-	3.465.425.000
Cộng		40.722.467.855	19.968.339.816	20.754.128.039

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 6.815.650.038 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.907.851.922 VND).

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD)	7.401.682.288	7.401.682.288	-	-
Công ty TNHH SX-TM Hóa keo Bình Thạnh	1.267.382.325	1.267.382.325	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ An Thịnh Phúc	1.999.460.126	1.999.460.126	1.450.325.666	1.450.325.666
Công ty TNHH Gỗ Phương Đông	312.860.330	312.860.330	1.599.491.812	1.599.491.812
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu may Hải Nam Anh	74.428.470	74.428.470	1.081.399.990	1.081.399.990
Các nhà cung cấp khác	1.272.796.672	1.272.796.672	3.290.834.454	3.290.834.454
Cộng	12.328.610.211	12.328.610.211	7.422.051.922	7.422.051.922

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kukkia Co., Ltd	735.899.671	2.201.578.672
Sanyei Scandinavia A/S	-	4.184.006.400
IDEA Co., Ltd	-	1.325.347.078
Các khách hàng khác	1.893.725.410	4.389.163.401
Cộng	2.629.625.081	12.100.095.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.446.617.674	179.429.828
Kinh phí công đoàn	122.657.784	56.517.102
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	303.708.037	105.657.649
Nhận ký quỹ, ký cược	1.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	20.251.853	17.255.077
b) Dài hạn	1.581.720.000	1.681.720.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.581.720.000	1.681.720.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI NAM HOASố nhà 71/4a Đường Hiệp Thành 13, Khu phố 17,
Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**19. VAY**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
		trả nợ				trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	94.560.566.106	94.560.566.106	223.083.960.199	(270.342.552.064)	47.301.974.241	47.301.974.241
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (i)	73.766.244.906	73.766.244.906	199.519.070.061	(231.133.230.864)	42.152.084.103	42.152.084.103
Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	20.794.321.200	20.794.321.200	23.564.890.138	(39.209.321.200)	5.149.890.138	5.149.890.138
b) Vay dài hạn	29.999.423.200	29.999.423.200	-	(23.564.890.138)	6.434.533.062	6.434.533.062
Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Chợ Lớn (ii)	29.999.423.200	29.999.423.200	-	(23.564.890.138)	6.434.533.062	6.434.533.062
Cộng	124.559.989.306	124.559.989.306	223.083.960.199	(293.907.442.202)	53.736.507.303	53.736.507.303

- (i) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ, khoản vay nhằm tài trợ cho việc thanh toán nhập khẩu/ mua hàng hóa/ nguyên vật liệu và bổ sung vốn lưu động.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh..
- Máy móc thiết bị được nhập khẩu theo hợp đồng thế chấp số PBVN_CLN/000624/18..
- Các khoản phải thu với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 3.000.000.000 VND và 600.000 USD.
- Hàng tồn kho với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 20.000.000.000 VND.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam - Chi nhánh Chợ lớn, lãi suất cho vay theo từng khế ước và tùy thuộc vào từng thời kỳ nhằm mục đích mua máy móc thiết bị nhập khẩu.

Tài sản thế chấp bao gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ 71/4a khu phố 7, Đường Hiệp Thành 13, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và máy móc thiết bị.
- Tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại địa chỉ Lô C5-9, KCN Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. VAY (Tiếp theo)

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	5.149.890.138	20.794.321.200
Trong năm thứ hai	5.149.890.138	20.794.321.200
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.284.642.924	9.205.102.000
Tổng cộng	11.584.423.200	50.793.744.400
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	5.149.890.138	20.794.321.200
Số phải trả sau 12 tháng	6.434.533.062	29.999.423.200

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm trước	154.115.410.000	54.233.986.309	208.349.396.309
Lợi nhuận trong năm trước	-	64.002.682.805	64.002.682.805
Chia cổ tức	-	(30.774.140.000)	(30.774.140.000)
Số dư cuối năm trước	154.115.410.000	87.462.529.114	241.577.939.114
Lợi nhuận trong năm nay	-	74.902.943.459	74.902.943.459
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	86.166.280.000	(86.166.280.000)	-
Số dư cuối năm	240.281.690.000	76.199.192.573	316.480.882.573

Đơn vị: VND

- (i) Dựa theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được thông qua trong Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2021 ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2020 đợt cuối bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 3.077.355 cổ phần (tổng giá trị là 30.773.550.000 VND) theo Nghị quyết số 01/2022-NQHĐQT-NHT ngày 06/01/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 01/22/NHT-BCKQPHCP ngày 27/01/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 04 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 124/QĐ-SGDHCM ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐTN/2022 ngày 29 tháng 4 năm 2022, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu với tổng số lượng cổ phiếu phát hành là 5.539.273 cổ phần (tổng giá trị là 55.392.730.000 VND) theo Nghị quyết số 12/2022-NQHĐQT-NHT ngày 25/10/2022, Nghị quyết số 14/2022-NQHĐQT-NHT ngày 14/11/2022 của Hội đồng Quản trị và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 02/22/NHT-BCKQPHCP ngày 14/11/2022. Số lượng chứng khoán tương đương với số vốn tăng thêm đã được niêm yết từ ngày 12 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định thay đổi đăng ký niêm yết số 873/QĐ-SGDHCM ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Chi tiết Vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu VND	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu VND	Tỷ lệ %
Ông Đoàn Hương Sơn	5.864.212	24,41%	3.579.111	23,22%
Ông Lê Duy Anh	3.120.000	12,98%	2.000.000	12,98%
Bà Bùi Thị Hiền	2.398.206	9,98%	1.537.312	9,98%
Bà Trần Thị Thanh Hương	1.560.000	6,49%	1.000.000	6,49%
Ông Nguyễn Tiến Thọ	803.790	3,35%	515.250	3,34%
Cổ phiếu quỹ	24.471	0,10%	24.471	0,16%
Các cổ đông khác	10.257.490	42,69%	6.755.397	43,83%
Tổng cộng	24.028.169	100%	15.411.541	100%

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303292182 sửa đổi lần 11 ngày 01 tháng 6 năm 2022, Vốn điều lệ của Công ty là 184.888.960.000 VND, tương đương 18.488.896 cổ phần. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục để đăng ký thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh theo số vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 240.281.690.000 VND, tương đương 24.028.169 cổ phần.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.028.169	15.411.541
+ Cổ phiếu phổ thông	24.028.169	15.411.541
- Số lượng cổ phiếu quỹ	24.471	24.471
+ Cổ phiếu phổ thông	24.471	24.471
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành	24.003.698	15.387.070
+ Cổ phiếu phổ thông	24.003.698	15.387.070

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	613.737,72	663.410,64
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	233,96	233,68

22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ tạo ra toàn bộ doanh thu và lợi nhuận cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất các mặt hàng đồ chơi, đồ gia dụng từ gỗ. Mặc dù Công ty có bán hàng trong nước và xuất khẩu, tuy nhiên, toàn bộ hoạt động sản xuất đều diễn ra tại một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy Công ty không trình bày thêm thông tin bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23. DOANH THU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	309.247.473.341	282.735.962.134
Doanh thu bán thành phẩm trong nước	418.048.682	5.747.405.360
Doanh thu bán thành phẩm xuất khẩu	301.684.050.940	270.661.324.785
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	6.326.880.000	5.799.640.000
Doanh thu khác	818.493.719	527.591.989
Các khoản giảm trừ doanh thu	164.904.839	461.193.349
Chiết khấu thương mại	-	2.906.400
Hàng bán bị trả lại	164.904.839	458.286.949
Doanh thu thuần về bán hàng	309.082.568.502	282.274.768.785

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn bán thành phẩm trong nước	38.026.698	4.618.658.535
Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	194.845.275.306	183.809.936.930
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	2.252.783.684	2.274.965.715
Cộng	197.136.085.688	190.703.561.180

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.626.598.985	86.024.486.124
Chi phí nhân công	90.395.303.427	81.377.045.908
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.882.682.725	10.081.519.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.716.079.391	20.494.266.575
Chi phí khác bằng tiền	3.277.307.344	4.140.708.160
Cộng	219.897.971.872	202.118.026.438

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	151.262.844	1.700.270
Cổ tức được chia	5.750.100.000	10.592.651.060
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.897.549.950	2.801.182.293
Cộng	7.798.912.794	13.395.533.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.712.227.592	7.991.001.385
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	2.016.816.061	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá	5.521.663.701	1.099.603.971
Chi phí tài chính khác	49.645.421	-
Cộng	11.300.352.775	9.090.605.356

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.347.849.144	3.945.729.991
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.858.000	48.858.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.696.631.801	11.364.386.351
Các khoản chi phí bán hàng khác	440.939.809	291.934.495
Cộng	12.534.278.754	15.650.908.837
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	7.352.262.970	6.832.294.321
Chi phí khấu hao TSCĐ	239.596.251	215.067.904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.170.543.321	2.895.475.766
Các khoản chi phí QLDN khác	1.056.469.991	961.523.567
Cộng	12.818.872.533	10.904.361.558

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	83.111.671.440	70.632.327.806
- Các khoản điều chỉnh tăng	651.612.051	2.012.828.274
Thu nhập chịu thuế	83.763.283.491	72.645.156.080
Thu nhập không tính thuế (cổ tức được chia)	(5.750.100.000)	(4.544.962.294)
Thu nhập tính thuế	78.013.183.491	68.100.193.786
- Thu nhập tính thuế được hưởng ưu đãi thuế	73.939.087.175	58.527.830.735
- Thu nhập tính thuế không được hưởng ưu đãi thuế	4.074.096.316	3.524.674.285
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	14.787.817.435	11.705.566.147
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	814.819.263	704.934.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (i)	(7.393.908.718)	(5.852.783.074)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.208.727.981	6.557.717.931
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	71.927.070
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.208.727.981	6.629.645.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)

- (i) Công ty được miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới của Nhà máy Nam Hoa tại Khu công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh. Năm 2022 là năm thứ hai Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài khoản chi phí không được khấu trừ nêu trên, Công ty xác định không có khoản chi phí nào khác nữa mà không được khấu trừ. Tuy nhiên, việc xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tùy thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	53.736.507.303	124.559.989.306
Trừ: Tiền	17.285.946.692	19.805.129.366
Nợ thuần	36.450.560.611	104.754.859.940
Vốn chủ sở hữu	316.480.882.573	241.577.939.114
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,12	0,43

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền	17.285.946.692	19.805.129.366	17.285.946.692	19.805.129.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.761.042.145	27.405.988.569	21.761.042.145	27.405.988.569
Cho vay	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Các khoản ký quỹ	1.505.000.000	11.000.000	1.505.000.000	11.000.000
Tổng cộng	49.551.988.837	47.222.117.935	49.551.988.837	47.222.117.935
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	53.736.507.303	124.559.989.306	53.736.507.303	124.559.989.306
Phải trả người bán và phải trả khác	14.930.582.064	9.479.082.061	14.930.582.064	9.479.082.061
Chi phí phải trả	444.410.994	7.348.829.631	444.410.994	7.348.829.631
Tổng cộng	69.111.500.361	141.387.900.998	69.111.500.361	141.387.900.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính theo như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

56-
HAI
HÓI
NG T
IEM
MTO
AC
T - T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Số cuối năm	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	17.285.946.692	-	17.285.946.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.761.042.145	-	21.761.042.145
Cho vay	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Các khoản ký quỹ	1.500.000.000	5.000.000	1.505.000.000
Tổng cộng	49.546.988.837	5.000.000	49.551.988.837
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	47.301.974.241	6.434.533.062	53.736.507.303
Phải trả người bán và phải trả khác	13.348.862.064	1.581.720.000	14.930.582.064
Chi phí phải trả	444.410.994	-	444.410.994
Tổng cộng	61.095.247.299	8.016.253.062	69.111.500.361
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.548.258.462)	(8.011.253.062)	(19.559.511.524)
Số đầu năm			
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền	19.805.129.366	-	19.805.129.366
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.405.988.569	-	27.405.988.569
Các khoản ký quỹ	-	11.000.000	11.000.000
Tổng cộng	47.211.117.935	11.000.000	47.222.117.935
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	94.560.566.106	29.999.423.200	124.559.989.306
Phải trả người bán và phải trả khác	7.797.362.061	1.681.720.000	9.479.082.061
Chi phí phải trả	7.348.829.631	-	7.348.829.631
Tổng cộng	109.706.757.798	31.681.143.200	141.387.900.998
Chênh lệch thanh khoản thuần	(62.495.639.863)	(31.670.143.200)	(94.165.783.063)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm đã bao gồm số tiền 375.000.000 VND là khoản mua tài sản cố định năm trước được thanh toán trong năm nay nhưng không bao gồm 27.720.000 VND là khoản mua tài sản cố định năm nay đã được thanh toán vào năm trước. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả, phải thu.

Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trong năm không bao gồm 1.140.000.000 VND là khoản thanh lý tài sản trong năm nay nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm bao gồm 305.013.551 VND là khoản chi phí lãi vay phát sinh năm trước thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã thuê đất tại Khu Công nghiệp Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng thuê đất số 110/HĐTĐ/SCD-2018 ngày 30 tháng 10 năm 2018 với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc (SCD) để xây dựng nhà máy. Thời gian thuê từ ngày 30 tháng 10 năm 2018 đến ngày 16 tháng 12 năm 2054, tiền thuê đã được thanh toán. Công ty đã phân bổ vào chi phí trong năm 947.718.600 VND đối với khoản tiền thuê đất này.



Nguyễn Tiên Thọ
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Đức Cường
Kế toán trưởng

Vương Thị Ngọc Linh
Người lập biểu

